

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÀ LÀI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/NQ-HĐND

Tà Lại, ngày 06 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi cho các cơ quan, đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể, các đơn vị trường học công lập năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÀ LÀI
KỶ HỌP THỨ 3 - KHÓA VI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 4596/UBND - KTNS ngày 04 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ chi của UBND xã Tà Lại (đợt 1).

Căn cứ Công văn số 2927/UBND-KTNS ngày 12/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc hỗ trợ kinh phí đại hội Đảng bộ xã, phường.

Căn cứ Công văn số 4958/UBND-KT ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt, bổ sung kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Công văn số 5250/UBND-KTNS ngày 12/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kinh phí tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đại hội các tổ chức chính - xã hội cấp xã, phường nhiệm kỳ 2025-2030.

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 24/10/2025 của UBND xã về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi cho các cơ quan, đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể, các đơn vị trường học công lập năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Tổ và kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 24/9/2025 của UBND xã về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ chi cho các cơ quan, đơn vị hành chính, đảng, đoàn thể, các đơn vị trường học công lập năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách địa phương:

37.905 triệu đồng

1.1. Thu cân đối ngân sách:

0 triệu đồng

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh:	32.113 triệu đồng
1.3. Thu chuyển nguồn NS năm 2024 sang 2025:	5.792 triệu đồng
2. Dự toán chi NS địa phương:	37.905 triệu đồng
<i>(Có biểu chi tiết đính kèm)</i>	

Chi thường xuyên: **37.905 triệu đồng**

Bao gồm :

- Chi sự nghiệp giáo dục:	9.776 triệu đồng
- Chi sự nghiệp kinh tế:	1.937 triệu đồng
- Chi sự nghiệp xã hội:	9.423 triệu đồng
- Chi an ninh - quốc phòng:	1.618 triệu đồng
+ Chi Quốc phòng:	1.618 triệu đồng
- Chi quản lý hành chính – Đảng – Đoàn thể :	14.952 triệu đồng
Trong đó:	
+ Quản lý hành chính:	9.884 triệu đồng
+ Cơ quan Đảng, đoàn thể:	5.068 triệu đồng
- Chi khác:	199 triệu đồng

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã giao cho Ủy ban nhân dân xã căn cứ các quy định của pháp luật về tài chính, tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết phải điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân xã báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã để thống nhất trong điều hành và trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo luật định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tà Lài, Khóa VI, kỳ họp lần thứ ba thông qua ngày 06 tháng 10 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN và các đoàn thể xã;
- Ban Xây dựng Đảng, Văn phòng Đảng ủy;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc xã;
- Trưởng các ấp;
- Lưu: VP, HĐND.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Luận

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 18 /NQ-HĐND ngày 06 /10/2025 của HĐND xã Tà Lài)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung chi	Dự toán đã giao 2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Trong đó		Dự toán 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Nguồn tỉnh bổ sung	Nguồn chuyển nguồn		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	162,408	37,905	32,113	5,792	200,314	
A	CHI ĐẦU TƯ	11,069				11,069	
	<i>Trong đó:</i> Kinh phí đã thực hiện 6 tháng đầu năm (Giao cho phòng kinh tế để tổng hợp thực hiện quyết toán chi năm ngân sách xã Tà Lài 2025)	3,416				3,416	
B	CHI THƯỜNG XUYÊN	147,503	37,905	32,113	5,792	185,409	
I	Sự nghiệp GDĐT	95,568	9,776	3,984	5,792	105,344	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		3,984	3,984		3,984	
-	Kinh phí chuyển nguồn 2024 sang 2025		5,792		5,792	5,792	
II	Sự nghiệp kinh tế (Phòng Kinh tế)	413	1,937	1,937	-	2,350	
-	Sự nghiệp môi trường (thu gom, xử lý rác, phân loại rác thải rắn tại nguồn,)		1,937	1,937		1,937	
III	Sự nghiệp văn hóa thông tin (Phòng văn hoá - Xã hội)	413				413	
IV	Kinh phí hoạt động phát thanh truyền hình (Phòng Văn hoá - Xã hội)	87				87	
V	Sự nghiệp thể dục thể thao (Phòng Văn hoá - Xã hội)	215				215	
VI	Sự nghiệp xã hội (Phòng Văn hoá - Xã hội)	1,840	9,423	9,423	-	11,263	
-	Chi đảm bảo xã hội		5,246	5,246		5,246	
-	Kinh phí tặng quà nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách Mạng Tháng Tám và Quốc Khánh 2/9		3,421	3,421			
-	Trợ cấp mai táng phí		756	756		756	
VII	An ninh -Quốc phòng (Văn phòng HĐND& UBND xã)	8,920	1,618	1,618	-	10,538	
1	An ninh	4,748				4,748	
2	Quốc phòng	4,172	1,618	1,618		5,790	
-	Kinh phí tăng thêm do chênh lệch giữa theo ND 16/ND-CP Nghị Định 72/ND-CP của Chính phủ		1,618	1,618		1,618	
VIII	Kinh phí hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36,532	14,952	14,952	0	51,484	
1	Quản lý nhà nước	33,158	9,884	9,884	0	43,042	
1.1	Văn phòng HĐND&UBND xã	30,203	2,669	2,669	0	32,872	
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	723	1,334	1,334		2,057	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		119	119		119	
-	Hoạt động CBCC	210	181	181		391	
-	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo ND 178		964	964		964	
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã	99				99	
-	Phụ cấp cán bộ không chuyên trách ấp	946				946	
-	Người tham gia trực tiếp hoạt động tại ấp	197				197	
-	Kinh phí đã thực hiện 6 tháng đầu năm (Giao Văn phòng UBND xã để cuối năm thực hiện quyết toán chu năm ngân sách xã Tà Lài 2025)	26,925				26,925	
-	Hoạt động khác (trong đó chỉ hoạt động tổ nhân dân 6 tháng cuối năm: 291,6tr)	1,104	71	71		1,175	
1.2	Phòng Kinh tế	1,135	3,104	3,104	-	4,239	
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương	739	217	217		956	Trang 1

Số TT	Nội dung chi	Dự toán đã giao 2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Trong đó		Dự toán 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Nguồn tính bổ sung	Nguồn chuyển nguồn		
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		115	115		115	
-	Hoạt động CBCC	263	226	226		489	
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã	133	67	67		200	
	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo ND 178		2,479	2,479		2,479	
-	Hoạt động khác					-	
1.3	Phòng Văn hoá - Xã hội	1,313	3,754	3,754	-	5,067	
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương	877	265	265		1,142	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		136	136		136	
-	Hoạt động CBCC	280	242	242		522	
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã	156	78	78		234	
	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo ND 178		3,033	3,033		3,033	
-	Hoạt động khác					-	
1.4	Trung tâm phục vụ hành chính công	507	357	357	-	864	
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương	384	179	179		563	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		73	73		73	
-	Hoạt động CBCC	123	105	105		228	
-	Hoạt động khác					-	
2	Đảng, Đoàn thể	3,374	5,068	5,068	-	8,442	
2.1	Văn phòng Đảng Ủy	2,138	3,146	3,146	-	5,284	
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương	975	437	437		1,412	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		142	142		142	
-	Hoạt động CBCC	298	284	284		582	
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã	234	117	117		351	
-	Bổ sung kinh phí đại hội đảng		191	191		191	
-	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo ND 178		1,825	1,825		1,825	
-	Hoạt động khác (Kinh phí đại hội đảng 509 triệu đồng)	631	150	150		781	
2.2	UBMT tổ quốc	1,235	1,922	1,922	-	3,157	
-	Lương, các khoản đóng góp theo lương	437	190	190		627	
-	Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP		62	62		62	
-	Kinh phí đại hội Mặt trận và các đoàn thể xã		670	670		670	
-	Hoạt động CBCC	158	97	97		255	
-	Phụ cấp cán bộ KCT xã	311	155	155		466	
-	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo ND 178		748	748		748	
-	Hoạt động khác	329				329	
IX	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách trên địa bàn xã (theo quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25/7/2025) thực hiện phân bổ khi thực hiện các nhiệm vụ cụ thể	3,000				3,000	
X	Chi khác	515	199	199		714	
C	70% tăng thu 2024 để lại thực hiện cải cách tiền lương	916				916	
D	10% Tiết kiệm theo Nghị quyết 173	220				220	
E	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	2,700				2,700	

Ghi chú: Đối với khoản chi quản lý hành chính phần kinh khoán hoạt động của cán bộ công chức thực hiện mức khoán 70 triệu đồng/công chức/chức (35 triệu đồng/công chức/6 tháng) sau khi lấy định mức nhân với số cán bộ công chức có mặt thực tế tính đến ngày 01/7/2025 trừ đi các khoản chi phí chung (Tiền điện, nước, tạp vụ ...) và trừ đi phần kinh phí đã giao tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐND phần còn lại giao bổ sung cho đơn vị.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÀ LÀI

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÀ LÀI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của HĐND xã Tà Lài)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị/nguồn KP	Dự toán đã giao năm 2025	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung 2025
1	Trường MN Phú Thịnh	6,444,111,000	1,642,351,000	8,086,462,000
	Nguồn 13	5,805,698,000	0	5,805,698,000
	Nguồn 12	638,413,000	1,385,351,000	2,023,764,000
	Nguồn 18		257,000,000	257,000,000
2	Trường MN Phú Lập	7,230,726,000	268,000,000	7,498,726,000
	Nguồn 13	6,741,958,000	0	6,741,958,000
	Nguồn 12	488,768,000	0	488,768,000
	Nguồn 18		268,000,000	268,000,000
3	Trường MN Tà Lài	7,405,297,000	257,000,000	7,662,297,000
	Nguồn 13	6,933,539,000	0	6,933,539,000
	Nguồn 12	471,758,000	0	471,758,000
	Nguồn 18		257,000,000	257,000,000
4	Trường MN Cát Tiên	5,299,143,000	4,593,938,000	9,893,081,000
	Nguồn 13	4,963,293,000	0	4,963,293,000
	Nguồn 12	335,850,000	4,406,938,000	4,742,788,000
	Nguồn 18		187,000,000	187,000,000
5	Trường TH Kim Đồng	12,633,666,000	494,000,000	13,127,666,000
	Nguồn 13	10,131,166,000	0	10,131,166,000
	Nguồn 12	2,502,500,000	0	2,502,500,000
	Nguồn 18		494,000,000	494,000,000
6	Trường TH Phú Lập	9,677,916,000	442,000,000	10,119,916,000
	Nguồn 13	9,650,916,000	0	9,650,916,000
	Nguồn 12	27,000,000	0	27,000,000
	Nguồn 18		442,000,000	442,000,000
7	Trường TH Nguyễn Trung Trực	15,159,978,000	667,000,000	15,826,978,000
	Nguồn 13	15,105,978,000	0	15,105,978,000
	Nguồn 12	54,000,000	0	54,000,000
	Nguồn 18		667,000,000	667,000,000
8	Trường THCS Phú Thịnh	6,113,388,000	303,000,000	6,416,388,000
	Nguồn 13	5,813,688,000	0	5,813,688,000
	Nguồn 12	299,700,000	0	299,700,000
	Nguồn 18		303,000,000	303,000,000
9	Trường THCS Hòa Bình	8,123,258,000	405,000,000	8,528,258,000
	Nguồn 13	8,007,533,000	0	8,007,533,000
	Nguồn 12	115,725,000	0	115,725,000
	Nguồn 18		405,000,000	405,000,000
10	Trường THCS Tà Lài	9,869,928,000	407,000,000	10,276,928,000
	Nguồn 13	8,213,686,000	0	8,213,686,000
	Nguồn 12	1,656,242,000	0	1,656,242,000
	Nguồn 18		407,000,000	407,000,000
11	Trường THCS Núi Tượng	7,610,112,000	297,000,000	7,907,112,000
	Nguồn 13	5,983,117,000	0	5,983,117,000
	Nguồn 12	1,626,995,000	0	1,626,995,000
	Nguồn 18		297,000,000	297,000,000
Tổng cộng		95,567,523,000	9,776,289,000	105,343,812,000